



CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14, 15 và 16 tháp B, Tòa nhà EVN

Số 11 Cửa Bắc, Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 02/TCTD

Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN

ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN			
I.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	2.340	4.180
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN)	6	97.117	1.998
III.	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	7	3.524.180	4.165.816
1.	Tiền gửi tại các TCTD khác		2.349.905	2.874.912
2.	Cho vay các TCTD khác		1.174.275	1.290.904
IV.	Chứng khoán kinh doanh	8	41.201	264.509
1.	Chứng khoán kinh doanh		58.926	333.403
2.	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		(17.725)	(68.894)
V.	Cho vay khách hàng		8.774.642	8.324.209
1.	Cho vay khách hàng	9	8.962.835	8.467.482
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(188.193)	(143.273)
VI.	Chứng khoán đầu tư	11	5.323.761	4.771.050
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		5.219.199	4.515.046
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		274.009	420.548
3.	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(169.447)	(164.544)
VII.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	100.960	128.411
1.	Đầu tư dài hạn khác		101.152	175.197
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(192)	(46.786)
VIII.	Tài sản cố định		48.014	43.877
1.	Tài sản cố định hữu hình	13	23.358	17.052
a.	Nguyên giá TSCĐ		59.652	47.211
b.	Hao mòn TSCĐ		(36.294)	(30.159)
2.	Tài sản cố định vô hình	14	24.656	26.825
a.	Nguyên giá TSCĐ		38.516	38.516
b.	Hao mòn TSCĐ		(13.860)	(11.691)
IX.	Tài sản Có khác	15	1.429.780	1.984.457
1.	Các khoản phải thu		1.141.871	1.084.666
2.	Các khoản lãi, phí phải thu		631.965	1.250.754
3.	Tài sản Có khác		12.024	7.549
4.	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(356.080)	(358.512)
TỔNG TÀI SẢN CÓ			19.341.995	19.688.507

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14, 15 và 16 tháp B, Tòa nhà EVN
Số 11 Cửa Bắc, Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 02/TCTD

Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU				
I.	Tiền gửi và vay các TCTD khác	16	5.725.900	6.808.419
1.	Tiền gửi của các TCTD khác		1.558.900	1.480.000
2.	Vay các TCTD khác		4.167.000	5.328.419
II.	Tiền gửi của khách hàng	17	3.112.207	2.658.951
III.	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	18	8.811	-
IV.	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	19	7.107.775	6.683.821
V.	Các khoản nợ khác	20	350.172	547.341
1.	Các khoản lãi, phí phải trả		162.709	428.432
2.	Các khoản phải trả và công nợ khác		187.463	118.909
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ			16.304.865	16.698.532
VI.	Vốn chủ sở hữu	21	3.037.130	2.989.975
1.	Vốn của TCTD		2.502.328	2.502.328
a.	Vốn điều lệ		2.500.000	2.500.000
b.	Vốn đầu tư XDCB, mua sắm tài sản cố định		2.328	2.328
2.	Quỹ của TCTD		278.968	254.141
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		255.834	233.506
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			19.341.995	19.688.507

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14, 15 và 16 tháp B, Tòa nhà EVN

Số 11 Cửa Bắc, Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 02/TCTD

Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN

ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Bảo lãnh khác	37	165.130	238.969

Người lập biểu

Người phê duyệt

Người phê duyệt

Hoàng Thị Việt Chi
Người lập biểuMai Danh Hiền
Kế toán trưởngBùi Xuân Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14, 15 và 16 tháp B, Tòa nhà EVN

Số 11 Cửa Bắc, Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MẪU SỐ B 03/TCTD

Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN

ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	22	1.014.264	952.435
2.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	(781.618)	(712.886)
I.	Thu nhập lãi thuần		232.646	239.549
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		154.234	117.934
4.	Chi phí hoạt động dịch vụ		(5.949)	(17.406)
II.	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	24	148.285	100.528
III.	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	25	856	4.275
IV.	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	26	121.729	9.411
V.	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	28.699	10.497
5.	Thu nhập từ hoạt động khác		72.400	110.054
6.	Chi phí hoạt động khác		(114)	(115)
VI.	Lãi thuần từ hoạt động khác	28	72.286	109.939
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	29	16.568	32.191
VIII.	Chi phí hoạt động	30	(89.904)	(183.233)
IX.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		531.165	323.157
X.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	31	(319.311)	(111.682)
XI.	Tổng lợi nhuận trước thuế		211.854	211.475
XII.	Chi phí thuế TNDN	32	(31.425)	(45.967)
XIII.	Lợi nhuận sau thuế		180.429	165.508
XIV.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	21	686	629

Người lập biểu

Hoàng Thị Việt Chi
Người lập biểu

Người phê duyệt

Mai Danh Hiền
Kế toán trưởng

Người phê duyệt

Bùi Xuân Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14, 15 và 16 tháp B, Tòa nhà EVN
Số 11 Cửa Bắc, Ba Đình
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Mẫu số B 04/TCTD

Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: Triệu VND

STT CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	1.645.694	1.105.981
02. Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(1.047.341)	(706.202)
03. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	135.644	98.532
04. Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	169.767	58.422
05. Chi phí khác/Thu nhập khác	10.245	1.701
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	62.014	108.238
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(130.058)	(96.443)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(47.538)	(45.596)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động	798.427	524.633
Những thay đổi về tài sản hoạt động	(952.987)	(582.394)
09. Giảm/(Tăng) các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác	116.629	(80.668)
10. (Tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán	(165.617)	(816.970)
11. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng	(495.353)	226.982
12. (Giảm) nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(339.140)	(33.597)
13. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động	(69.506)	121.859
Những thay đổi về công nợ hoạt động	(216.135)	252.811
14. (Giảm)/Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD	(1.082.519)	2.151.341
15. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng	453.256	(1.365.775)
16. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	423.954	(486.707)
17. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	8.811	(11.914)
18. (Giảm) khác về công nợ hoạt động	(12.827)	(27.133)
19. Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(6.810)	(7.001)
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(370.695)	195.050
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
01. Mua sắm tài sản cố định	(5.178)	(12.493)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-
03. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(43.475)	-
04. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	16.568	32.191
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(32.063)	19.698

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC

Tầng 14, 15 và 16 tháp B, Tòa nhà EVN

Số 11 Cửa Bắc, Ba Đình

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Mẫu số B 04/TCTD

Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN

ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Nhà nước

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: Triệu VND

STT CHỈ TIÊU**Năm nay****Năm trước****LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

01. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(28.970)	(66.605)
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(28.970)	(66.605)
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(431.728)	148.143
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	2.881.090	2.732.947
VI. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	-	-
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Xem Thuyết minh số 33)	2.449.362	2.881.090


Hoàng Thị Việt Chi
Người lập biểu
Mai Danh Hiền
Kế toán trưởng
Bùi Xuân Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này